

THÔNG BÁO

**Kết luận của Thường trực Liên minh HTX Việt Nam về số lượng mô hình,
danh sách, địa bàn HTX triển khai năm 2019**

Căn cứ Quy chế xây dựng mô hình ban hành kèm theo Quyết định số 37/QĐ-LMHTXVN ngày 20/02/2019, trên cơ sở đề nghị của các Tổ công tác xây dựng mô hình, Thường trực Liên minh HTX Việt Nam kết luận và giao nhiệm vụ đối với từng đơn vị như sau:

I. Điều chỉnh tăng, giảm số lượng mô hình; danh sách, địa chỉ HTX của các đơn vị triển khai năm 2019

1. Viện Phát triển Kinh tế hợp tác

- a. Mô hình liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm (gọi tắt là mô hình liên kết)
 - Số lượng theo phân bổ kinh phí đầu năm 2019: 24 mô hình.
 - Nay, điều chỉnh giảm và giao trường Bồi dưỡng cán bộ triển khai 01 mô hình (Nguồn: Chương trình 135, kinh phí 470 triệu đồng, phương thức hợp đồng).
- Số lượng mô hình đơn vị triển khai năm 2019: 23 mô hình
(Gửi kèm danh sách, địa chỉ HTX, loại hình sản phẩm, nguồn kinh phí).
- b. Mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (gọi tắt là mô hình hỗ trợ)
 - Số lượng theo phân bổ kinh phí đầu năm 2019: 03 mô hình (Nguồn: Sự nghiệp Khoa học công nghệ, kinh phí 525 triệu đồng, tương ứng 03 mô hình).
 - Điều chỉnh tăng và giao Viện Phát triển kinh tế hợp tác triển khai 02 mô hình hiện đã phân bổ cho trường Bồi dưỡng cán bộ (Nguồn: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo ngoài 30a và 135, kinh phí 350 triệu đồng, phương thức hợp đồng).

Số lượng mô hình đơn vị triển khai năm 2019: 05 mô hình.

(Gửi kèm tên tỉnh, số lượng mô hình HTX, nguồn kinh phí).

2. Trung tâm Khoa học công nghệ và Môi trường

- a. Mô hình liên kết
 - Số lượng mô hình theo phân bổ kinh phí đầu năm: 09 mô hình
 - Điều chỉnh nguồn: lý do, phù hợp với địa bàn.
 - + Điều chỉnh tăng 01 mô hình, nguồn Chương trình 30a, kinh phí 470 triệu đồng, phương thức hợp đồng từ Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư.

+ Điều chỉnh giảm 01 mô hình, nguồn Chương trình 135, kinh phí 470 triệu đồng đã phân bổ cho Trung tâm Khoa học công nghệ và Môi trường, giao Trung tâm các Chương trình Kinh tế - Xã hội thực hiện theo phương thức hợp đồng.

+ Tăng 02 mô hình: nguồn đề tài Khoa học công nghệ, kinh phí 525 triệu đồng, tương ứng 01 mô hình; nguồn dự án môi trường, kinh phí 500 triệu đồng, tương ứng 01 mô hình. Kinh phí đã phân bổ cho Trung tâm dự kiến ban đầu để xây dựng mô hình hỗ trợ.

+ Giảm 02 mô hình, nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, kinh phí 940 triệu đồng đã phân bổ cho Trung tâm Khoa học công nghệ do vướng mắc địa bàn triển khai, nay, chuyển mục đích sang triển khai mô hình hỗ trợ.

Số lượng mô hình đơn vị triển khai năm 2019: 09 mô hình.

(Gửi kèm danh sách, địa chỉ HTX, loại hình sản phẩm, nguồn kinh phí).

b. Mô hình hỗ trợ

- Số lượng mô hình theo phân bổ kinh phí đầu năm: 21 mô hình

- Điều chỉnh giảm:

+ Giảm 01 mô hình, nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, kinh phí 175 triệu đồng đã phân bổ cho Trung tâm, nay, điều chỉnh và giao Trung tâm các Chương trình Kinh tế - Xã hội triển khai theo phương thức hợp đồng.

+ Giảm 01 đề tài khoa học, kinh phí 525 triệu đồng tương ứng với 03 mô hình sang thực hiện 01 mô hình liên kết.

+ Giảm 01 nhiệm vụ bảo vệ môi trường, kinh phí 500 triệu đồng, tương ứng với 03 mô hình sang thực hiện 01 mô hình liên kết.

- Điều chỉnh tăng: 940 triệu đồng để triển khai mô hình hỗ trợ.

Lý do: nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, kinh phí 940 triệu đồng đã phân bổ cho Trung tâm để xây dựng mô hình liên kết nhưng do địa bàn không phù hợp với Chương trình 30a, 135, đề nghị Trung tâm sử dụng 01 đề tài khoa học và 01 nhiệm vụ bảo vệ môi trường để thay thế.

- Tổng hợp số lượng mô hình hỗ trợ đơn vị thực hiện năm 2019: 19 mô hình. Trong đó:

+ Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: kinh phí 2,381 tỷ đồng, tương ứng với 13 mô hình.

+ Nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ: 03 đề tài, kinh phí 1,050 tỷ đồng, tương ứng với 6 mô hình.

(Gửi kèm tên tỉnh, số lượng mô hình HTX, nguồn kinh phí).

3. Trung tâm các Chương trình Kinh tế - Xã hội

a. Mô hình liên kết

- Số lượng mô hình theo phân bổ kinh phí đầu năm: 18 mô hình.
 - Điều chỉnh giảm: 02 mô hình, lý do, phù hợp với địa bàn.
 - + Điều chỉnh và giao trường Bồi dưỡng cán bộ thực hiện 01 mô hình (Nguồn: Sự nghiệp kinh tế, kinh phí 470 triệu đồng, phương thức hợp đồng).
 - + Điều chỉnh và giao Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư thực hiện 01 mô hình (Nguồn: Sự nghiệp kinh tế, kinh phí 470 triệu đồng, phương thức hợp đồng).
 - Điều chỉnh tăng: 01 mô hình (Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo vùng 135, kinh phí 470 triệu đồng) đã phân bổ cho Trung tâm Khoa học công nghệ và Môi trường, nay giao Trung tâm các Chương trình Kinh tế - Xã hội thực hiện theo phương thức hợp đồng.
 - Số lượng mô hình liên kết đơn vị triển khai năm 2019: 17 mô hình.
- (Gửi kèm danh sách, địa chỉ HTX, loại hình sản phẩm, nguồn kinh phí).*

b. Mô hình hỗ trợ

- Số lượng mô hình theo phân bổ kinh phí đầu năm: 0 mô hình
 - Điều chỉnh tăng 01 mô hình, nguồn Chương trình mục tiêu giảm nghèo vùng 135, kinh phí 175 triệu đồng, hiện đã phân bổ cho Trung tâm Khoa học công nghệ và Môi trường, nay giao Trung tâm các Chương trình Kinh tế - Xã hội thực hiện theo phương thức hợp đồng.
- Số lượng mô hình hỗ trợ đơn vị triển khai năm 2019: 01 mô hình.
- (Gửi kèm tên tỉnh, số lượng mô hình HTX, nguồn kinh phí).*

4. Trường Bồi dưỡng cán bộ

a. Mô hình liên kết

- Số lượng mô hình theo phân bổ kinh phí đầu năm: 0 mô hình
 - Điều chỉnh tăng 02 mô hình (01 mô hình của Trung tâm các Chương trình Kinh tế - Xã hội, nguồn Sự nghiệp kinh tế; 01 mô hình của Viện Phát triển kinh tế hợp tác, nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 135).
 - Số lượng mô hình liên kết đơn vị triển khai năm 2019: 02 mô hình.
- (Gửi kèm danh sách, địa chỉ HTX, loại hình sản phẩm, nguồn kinh phí).*

b. Mô hình hỗ trợ

- Số lượng mô hình theo phân bổ kinh phí đầu năm: 02 mô hình, nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo ngoài 30 a và 135, kinh phí 350 triệu đồng.
- Điều chỉnh giảm: 02 mô hình, giao Viện Phát triển Kinh tế hợp tác triển khai theo phương thức hợp đồng.
- Số lượng mô hình đơn vị triển khai năm 2019: 0 mô hình.

5. Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư

a. Mô hình liên kết

- Số lượng mô hình theo phân bổ kinh phí đầu năm: 04 mô hình.
- Điều chỉnh tăng 01 mô hình, nguồn sự nghiệp kinh tế, kinh phí 470 triệu đồng, hiện đã phân bổ cho Trung tâm các Chương trình Kinh tế - Xã hội giao Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư thực hiện theo phương thức hợp đồng.
- Điều chỉnh giảm 01 mô hình, nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 30a, kinh phí 470 triệu đồng, giao Trung tâm Khoa học công nghệ và Môi trường thực hiện theo phương thức hợp đồng.

Số lượng mô hình liên kết đơn vị triển khai năm 2019: 04 mô hình.

(Gửi kèm danh sách, địa chỉ HTX, loại hình sản phẩm, nguồn kinh phí).

b. Mô hình hỗ trợ: 0 mô hình.

6. Văn phòng: Không phát sinh điều chỉnh.

- Số lượng mô hình liên kết: 02 mô hình.

(Gửi kèm danh sách, địa chỉ HTX, loại hình sản phẩm, nguồn kinh phí).

- Số lượng mô hình hỗ trợ: 02 mô hình (nguồn dự án môi trường).

(Gửi kèm tên tỉnh, số lượng mô hình HTX, nguồn kinh phí).

7. Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ HTX miền Nam: không phát sinh điều chỉnh.

- Số lượng mô hình liên kết: 06 mô hình.

- Số lượng mô hình hỗ trợ: 0 mô hình.

(Gửi kèm danh sách, địa chỉ HTX, loại hình sản phẩm, nguồn kinh phí).

II. Tổng hợp số lượng mô hình của các đơn vị triển khai năm 2019.

1. Mô hình liên kết: 63 mô hình. Trong đó:

- Viện Phát triển Kinh tế hợp tác: 23 mô hình.
- Trung tâm Khoa học công nghệ và Môi trường: 9 mô hình.
- Trung tâm các Chương trình Kinh tế - Xã hội: 17 mô hình.
- Trường Bồi dưỡng cán bộ: 02 mô hình.
- Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư: 04 mô hình.
- Văn phòng: 02 mô hình.
- Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ HTX miền Nam: 06 mô hình.

2. Mô hình hỗ trợ: 27 mô hình. Trong đó:

- Viện Phát triển Kinh tế hợp tác: 05 mô hình.

- Trung tâm Khoa học công nghệ và Môi trường: 19 mô hình.
- Trung tâm các Chương trình Kinh tế - Xã hội: 01 mô hình.
- Trường Bồi dưỡng cán bộ: 0 mô hình.
- Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư: 0 mô hình.
- Văn phòng: 02 mô hình.
- Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ HTX miền Nam: 0 mô hình.

III. Phân công nhiệm vụ cho các Ban, đơn vị

1. Ban Kế hoạch - Hỗ trợ

Hướng dẫn thủ tục điều chỉnh nguồn kinh phí và nhiệm vụ giữa các đơn vị trong nội bộ, ưu tiên phương thức hợp đồng; khẩn trương đơn đốc tiến độ, xây dựng và thẩm định, trình duyệt dự toán chi tiết.

2. Ban Chính sách và Phát triển HTX

- Thẩm tra, tổng hợp danh sách HTX các đơn vị triển khai xây dựng mô hình năm 2019.

- Đơn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị triển khai xây dựng mô hình theo quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 37/QĐ-LMHTXVN ngày 20/02/2019 của Liên minh HTX Việt Nam.

3. Các đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai xây dựng mô hình năm 2019

- Nghiêm túc thực hiện công tác xây dựng mô hình HTX năm 2019 theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 37/QĐ-LMHTXVN ngày 20/02/2019 của Liên minh HTX Việt Nam.

- Khẩn trương xây dựng thuyết minh dự án và dự toán chi tiết theo quy định hiện hành.

Chú ý: sản phẩm, kết quả triển khai công tác xây dựng mô hình là hỗ trợ phát triển sản xuất; mô hình HTX kiểu mới phát triển bền vững gắn với giảm nghèo; HTX hợp đồng liên kết với đối tác tiêu thụ.

Thường trực Liên minh HTX Việt Nam thông báo và yêu cầu các Ban, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện.

Nơi nhận: 

- Đ/c Chủ tịch (để b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch;
- Ban CSPT, Ban KHHT, Viện PTKTHT, TT KHCN&MT, TT các CTKTXH, Trường TCN&ĐT cán bộ HTX miền Nam, Trường BDCB, TT XTMT&ĐT, Văn phòng LMHTXVN;
- Cổng thông tin điện tử VCA, Thời báo kinh doanh;
- Lưu: VT, TH.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thịnh



DANH SÁCH CÁC TỈNH, HTX TRIỂN KHAI CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM VÀ HỖ TRỢ SẢN XUẤT
Do Viện phát triển kinh tế hợp tác chủ trì thực hiện

(Kèm theo Thông báo số 1/CTB-LMHTXVN ngày 14 tháng 6 năm 2019)

I. 23 CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

STT	Tên tỉnh	Tên HTX	Địa chỉ	Loại sản phẩm	Nguồn kinh phí
1	Nam Định	HTX thủy sản Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường	Cá	Nông thôn mới
2	Thái Bình	HTX dịch vụ nông nghiệp xã Độc Lập	Xã Độc Lập, huyện Hưng Hà	Gạo	Nông thôn mới
3	Hải Dương	HTX nông nghiệp sành Nam Vũ	Xã Liên Mạc, Huyện Thanh Hà	Ồi Thanh Hà	Sự nghiệp kinh tế
4	Hưng Yên	HTX chăn nuôi và kinh doanh Gà Đông Tảo	Đông Tảo, Huyện Khoái Châu	Gà Đông Tảo	Sự nghiệp kinh tế
5	Hà Nam	HTX dịch vụ nông nghiệp An Ninh	Xã An Lão, huyện Bình Lục	Chuối ngự	Nông thôn mới
6	Bắc Ninh	HTX chăn nuôi thủy sản Trường Mạnh	Thôn 2, Mão Diên, Thuận Thành	Cá	Nông thôn mới
7	Hải Phòng	HTX dịch vụ chăn nuôi Thái Sơn	Thôn ba, xã Phú Sơn, huyện Kiến Thụy	Lợn	Sự nghiệp kinh tế
8	Vĩnh Phúc	HTX Dịch vụ Nông nghiệp Nhân Lý	Thôn Lý Hải, xã Phú Xuân, Huyện Bình Xuyên	Lúa gạo RVT	Sự nghiệp kinh tế

9	Bắc Kạn	HTX Việt Cường	Thôn Chợ Mới, xã Lạng San, huyện Na Rì	Miến dong	Giảm nghèo (135)
10	Cao Bằng	HTX An Thịnh	Xóm Lũng Cuộm, xã Lưu Ngọc, huyện Trà Lĩnh	Chanh leo	Giảm nghèo (ngoài 30a và 135)
11	Thái Nguyên	HTX Chè La Bằng	Xóm Đồng Tiến, xã La Bằng, Huyện Đại Từ	Chè	Giảm nghèo (ngoài 30a và 135)
12	Lào Cai	HTX Tiên phong Mường Vi	Thôn Đồng Cầm, xã Mường Vi, huyện Bát Xát	Gạo sém cù	Giảm nghèo (ngoài 30a và 135)
13	Quảng Ninh	HTX mây tre đan Quảng Sơn	Bản Pác Sùi, xã Quảng Sơn, huyện Hải Hà	Mây tre đan	Giảm nghèo (135)
14	Sơn La	HTX Liên Sơn Tạ Bú	Xã Tạ Bú, huyện Mường La	Tinh dầu sả	Giảm nghèo (30a)
15	Lai Châu	HTX Thanh niên Thảm Phé	Bản Thảm Phé, xã Mường Kim, huyện Than Uyên	Cá	Giảm nghèo (30a)
16	Điện Biên	HTX nông nghiệp công nghệ cao Bản Mế	Xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	Gạo	Giảm nghèo (135)
17	Hà Giang	HTX Hùng Thịnh	Thôn Ngán Chải, xã Lao Và Chải, huyện Yên Minh	Mật ong bạc hà	Giảm nghèo (30a)
18	Tuyên Quang	HTX Sơn Trà xã Hồng Thái huyện Na Hang	Thôn Hồng Ba, xã Hồng Thái, huyện Na Hang	Chè shan tuyết	Giảm nghèo (30a)

19	Phú Thọ	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Yên Lập	Khu 8 – Xã Xuân Thủy – huyện Yên Lập	Gà	Giảm nghèo (ngoài 30a và 135)
20	Lạng Sơn	Hợp tác xã Thiên Phú	Xã Cường Lợi, Huyện Đình Lập	Rau củ an toàn	Giảm nghèo (30a)
21	Hòa Bình	HTX nông sản sạch Vầy Nưa	xã Vầy Nưa, huyện Đà Bắc	Cá	Giảm nghèo (30a)
22	Ninh Bình	Liên hiệp HTX SX tiêu thụ nông sản an toàn Ninh Bình	Phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Thịt dê, lúa, rau củ quả	Sự nghiệp kinh tế
23	Bắc Giang	Hợp tác xã Thân Trường	Thôn Chẽ, xã Phồn Xương, Huyện Yên Thế	Chè xanh bản Ven	Giảm nghèo (ngoài 30a và 135)

II. HỒ TRỢ SẢN XUẤT ĐỐI VỚI 05 MÔ HÌNH HTX

STT	Tên tỉnh	Số lượng mô hình HTX	Nguồn kinh phí
1	Bắc Ninh	01 HTX	Nguồn sự nghiệp khoa học
2	Hải Phòng	01 HTX	Nguồn sự nghiệp khoa học
3	Hưng Yên	01 HTX	Nguồn sự nghiệp khoa học
4	Phú Thọ	01 HTX	Nguồn giảm nghèo
5	Lai Châu	01 HTX	Nguồn giảm nghèo

DANH SÁCH CÁC TỈNH, HTX TRIỂN KHAI CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM VÀ HỖ TRỢ SẢN XUẤT
Do Trung tâm các chương trình kinh tế xã hội chủ trì thực hiện
(Kèm theo Thông báo số /TB-LMHTXVN ngày tháng năm 2019)

I. 17 CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

STT	Tên tỉnh	Tên HTX	Địa chỉ	Loại sản phẩm	Nguồn kinh phí
1	Nghệ An	HTX SX&DV Sông Lam	Thị xã Cửa Lò	Nước mắm	Sự nghiệp kinh tế
2	Hà Tĩnh	HTX Nga Hải	Xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân	Thịt lợn sạch, rau củ quả	Sự nghiệp kinh tế
3	Quảng Bình	HTX SXKD&DVNN Lộc Thượng	An Thủy, Lệ Thủy	Lúa gạo	Sự nghiệp kinh tế
4	Thừa Thiên Huế	HTX NN An Lỗ	Xã Phong Hiền, huyện Phong Điền	Gạo hữu cơ	Sự nghiệp kinh tế
5	Đà Nẵng	HTX rau củ quả Hòa Vang	Huyện Hòa Vang	Rau, củ quả	Nông thôn mới
6	Quảng Nam	HTX Duy Đại Sơn	Xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên	Thịt heo sạch	Nông thôn mới
7	Quảng Ngãi	HTX NN Hòa Phú Thịnh	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Gà thả vườn, cá nước ngọt.	Nông thôn mới
8	Khánh hòa	HTX Nấm Vĩnh Ngọc	Xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Nấm	Nông thôn mới

9	Phú Yên	HTX nông nghiệp An Nghiệp	Xã An Nghiệp, huyện Tuy An.	Gạo chất lượng cao	Sự nghiệp kinh tế
10	Bình Định	HTX NN Mỹ Hòa	Huyện Phú Mỹ	Dầu đậu phộng	Nông thôn mới
11	Kon Tum	HTX NN Sáu Nhung	78 Hùng Vương, Hà Môn, Đăk Hà	Cà phê tinh	Sự nghiệp kinh tế
12	Gia Lai	HTX NN Dược liệu Quảng Vinh	Xã Sơ Pài, Huyện Kbang, Tỉnh Gia Lai	Sâm đương quy	Giảm nghèo 135
13	Đắc Nông	HTX NN Krong Nô	Xã Tân Thành, huyện Krong Nô, Tỉnh Đăk Nông	Bột Cacao	Sự nghiệp kinh tế
14	Đắc Lắc	HTX NN dịch vụ công bằng Ea Tu	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đăk Lăk	Cà phê	Sự nghiệp kinh tế
15	Lâm Đồng	HTX DVNN TH Sunfood Đà Lạt	Phường 7, Đà Lạt.	Rau tươi	Sự nghiệp kinh tế
16	Ninh Thuận	HTX Điều hữu cơ TrueCoop	Phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang, Tháp Chàm.	Điều hữu cơ	Nông thôn mới
17	Bình Thuận	HTX Thanh Long Ninh Thuận 9	Hàm Chính, Hàm Thuận Bắc	Thanh Long	Nông thôn mới

II. HỖ TRỢ SẢN XUẤT ĐỐI VỚI 01 MÔ HÌNH HTX

STT	Tên tỉnh	Số lượng mô hình HTX	Địa chỉ	Nguồn kinh phí
1	Hòa Bình	01 HTX	Yên Thượng, Hòa Bình	Nguồn giảm nghèo

DANH SÁCH CÁC TỈNH, HTX TRIỂN KHAI CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM VÀ HỖ TRỢ SẢN XUẤT

Do Trung tâm Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì thực hiện
(Kèm theo Thông báo số /TB-LMHTXVN ngày tháng năm 2019)

I. 09 CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

STT	Tên tỉnh	Tên HTX	Địa chỉ	Loại sản phẩm	Nguồn kinh phí
1	An Giang	HTX nông nghiệp An Bình	Áp Phú Hiệp, xã An Bình, H. Thoại Sơn	Lúa gạo	Nguồn sự nghiệp môi trường
2	Bạc Liêu	HTX NN Thanh Sơn	Áp Thanh Sơn, xã Vĩnh Bình, H. Hòa Bình	Lúa gạo	Nguồn sự nghiệp kinh tế
3	Cần Thơ	HTX thủy sản Thăng Lợi	Xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hạnh	Cá tra	Nguồn sự nghiệp kinh tế
4	Kiên Giang	HTX NN Tân Hưng	H. Châu Thành	Lúa gạo	Giảm nghèo ngoài 30 a
5	Tiền Giang	HTX NN hữu cơ Gò Công	Áp Thành Nhựt, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công	Rau củ quả	Nguồn nông thôn mới
6	Sóc Trăng	HTX NN Phương An	Áp Phương An 1, xã Hưng Phú, H. Mỹ Tú	Cam	Sự nghiệp khoa học
7	Trà Vinh	HTX NN Long Hiệp	Xã Long Hiệp, H. Trà Cú	Gạo sạch	Giảm nghèo 30 a
8	Vĩnh Long	HTX DVNN Tấn Đạt	Số 93 Áp Kinh, xã Trung Ngãi, H.Vũng Liêm	Lúa gạo	Giảm nghèo ngoài 30 a
9	Cà Mau	HTX DVNN&TS Ông Muộn	Áp Ông Muộn, Xã Lý Văn Lâm	Lúa gạo	Nguồn sự nghiệp kinh tế

II. HỒ TRỢ SẢN XUẤT ĐỐI VỚI 19 MÔ HÌNH HTX

STT	Tên tỉnh	Số lượng mô hình HTX	Nguồn kinh phí
1	Lào Cai	01 HTX	Nguồn giảm nghèo
2	Hậu Giang	02 HTX	Nguồn giảm nghèo
3	Điện Biên	01HTX	Nguồn giảm nghèo
4	Yên Bái	02 HTX	Nguồn giảm nghèo
5	Son La	02 HTX	Nguồn giảm nghèo
6	Quảng Ngãi	01 HTX	Nguồn giảm nghèo
7	Gia Lai	01 HTX	Nguồn giảm nghèo
8	Kon Tum	01 HTX	Nguồn giảm nghèo
9	Thái Nguyên	01 HTX	Nguồn giảm nghèo
10	Cao Bằng	01HTX	Nguồn giảm nghèo
11	Hải Dương	HTX Tân Minh Đức, huyện Gia Lộc	Nguồn sự nghiệp khoa học
12	Long An	HTX nông nghiệp Rừng Dầu, tỉnh Long An	Nguồn sự nghiệp khoa học
13	Bắc Kạn	HTX Yên Dương, xã Yên Dương, huyện Ba Bể	Nguồn sự nghiệp khoa học
14	Bắc Kạn	HTX Thiên An, thôn Nà Ít, xã Vĩ Hương, huyện Bạch Thông	Nguồn sự nghiệp khoa học
15	Đồng Nai	HTX TMDV Thuận Thiên	Nguồn sự nghiệp khoa học
16	Đồng Nai	HTX cựu chiến binh Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai	Nguồn sự nghiệp khoa học

DANH SÁCH CÁC TỈNH, HTX TRIỂN KHAI CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

Do Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư chủ trì thực hiện

(Kèm theo Thông báo số /TB-LMHTXVN ngày tháng năm 2019)

04 CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

STT	Tên tỉnh	Tên HTX	Địa chỉ	Loại sản phẩm	Nguồn kinh phí
1	Bình Dương	HTX NN Ôi Thanh Kiên	Xã Phước Hòa, H. Phú Giáo	Ôi	Sự nghiệp kinh tế
2	Bình Phước	HTX sản xuất hồ tiêu sạch bền vững Hưng Phước	Xã Hưng Phước, H. Bù Đốp	Hồ tiêu	Giảm nghèo ngoài 30a, 135
3	Đồng Nai	HTX Dịch Vụ - Thương Mại - Nông Nghiệp Quyết Tiến	Xã Xuân Mỹ, H. Cẩm Mỹ	Bưởi da xanh	Sự nghiệp kinh tế
4	Hồ Chí Minh	HTX Thuận Yến	Áp An Nghĩa, xã An Thới Đông, Huyện Cần Giờ	Tôm, yến sào	Sự nghiệp kinh tế



DANH SÁCH CÁC TỈNH, HTX TRIỂN KHAI CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM
Do Trường trung cấp nghề và đào tạo cán bộ HTX miền Nam chủ trì và thực hiện

(Kèm theo Thông báo số /TB-LMHTXVN ngày tháng năm 2019)

06 CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

STT	Tên tỉnh	Tên HTX	Địa chỉ	Loại sản phẩm	Nguồn kinh phí
1	Tây Ninh	HTX NN măng cầu Thanh Tân	Xã Thanh Tân, thành phố Tây Ninh	Măng cầu	Nông thôn mới
2	BR-Vũng Tàu	HTX NN TMDL Bàu Mây	Xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc	Tiêu và sản phẩm từ tiêu	Giảm nghèo
3	Long An	HTX NN CNC Tân Nông Việt	Huyện Cần Giuộc	Dưa lưới	Nông thôn mới
4	Bến Tre	HTX NN Định Thủy	Xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày	Dừa và các sản phẩm từ dừa	Nông thôn mới
5	Đồng Tháp	HTX NN Tân Bình	Xã Tân Bình, huyện Thanh Bình	Gạo chất lượng cao	Giảm nghèo
6	Hậu Giang	HTX NN Thanh Thẳng	Xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh	Khóm Cầu Đức	Nông thôn mới

DANH SÁCH CÁC TỈNH, HTX TRIỂN KHAI CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

Do Trường bồi dưỡng cán bộ chủ trì và thực hiện

(Kèm theo Thông báo số /TB-LMHTXVN ngày tháng năm 2019)

02 CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

STT	Tên tỉnh	Tên HTX	Địa chỉ	Loại sản phẩm	Nguồn kinh phí
1	Quảng Trị	HTX Quang Hạ	Huyện Gio Linh	Lúa gạo	Sự nghiệp kinh tế
2	Yên Bái	HTX DVTH Kiên Thành	Xã Kiên Thành, huyện Trấn Yên	Măng tre Bát độ	Giảm nghèo (135)

DANH SÁCH CÁC TỈNH, HTX TRIỂN KHAI CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM VÀ HỖ TRỢ SẢN XUẤT
Do Văn phòng Liên minh HTX Việt Nam là cơ quan chủ trì, Ban chính sách và phát triển HTX thực hiện

(Kèm theo Thông báo số /TB-LMHTXVN ngày tháng năm 2019)

I. 02 CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

STT	Tên tỉnh	Tên HTX	Địa chỉ	Loại sản phẩm	Nguồn kinh phí
1	Thanh Hóa	HTX DV nuôi trồng thủy sản Quảng Chính	Xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương	Sản phẩm hải sản nuôi trồng	Sự nghiệp kinh tế
2	Hà Nội	HTX NN Tam Hưng	Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai	Gạo thơm Bối Khê	Sự nghiệp kinh tế

II. HỖ TRỢ SẢN XUẤT ĐỐI VỚI 02 MÔ HÌNH HTX

STT	Tên tỉnh	Tên HTX	Địa chỉ	Loại sản phẩm	Nguồn kinh phí
1	Hà Nội	HTX đầu tư nông trại xanh và phát triển bò Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội)	Sữa bò	Sự nghiệp môi trường
2	Nam Định	HTX DVNN Toàn Thắng	Xã Hải Toàn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Gạo hữu cơ	Sự nghiệp môi trường